

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2022/DS-ST**

Ngày: 27-4-2022

V/v tranh chấp HĐ dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng NĐ, sinh năm 1981. Địa chỉ: kp 2, thị trấn T, huyện An Minh, Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị BĐ, sinh năm 1975. Địa chỉ: kp 4, thị trấn T, huyện An Minh, Kiên Giang. (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Nlq, sinh năm 1972. Địa chỉ: kp 4, thị trấn T, huyện An Minh, Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp CN, xã TY, huyện U Minh Thượng, Kiên Giang; (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15-11-2021 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Hồng NĐ trình bày và yêu cầu: Vào ngày 22/10/2020al bà BĐ có mượn của bà NĐ số tiền 118.000.000 đồng để xoay sở lúc khó khăn; thời gian qua tết năm 2020 trả. Sau đó bà BĐ chưa trả tiền. Hiện bà BĐ nợ tổng

cộng là 141.600.000 đồng, gồm gốc 118.000.000 đồng và lãi (từ 22/10/2020a1 đến 22/10/2021 a1) là 12 tháng x 20% = 23.600.000 đồng.

Bà NĐ khởi kiện yêu cầu bà BĐ trả số tiền 141.600.000 đồng. Trong đó gốc 118.000.000 đồng, lãi 23.600.000 đồng.

Tại phiên tòa bà NĐ yêu cầu bà BĐ trả gốc 118.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị BĐ trình bày: Thừa nhận có nợ tiền của bà NĐ gốc là 118.000.000 đồng. Bà BĐ thống nhất trả tiền gốc là 118.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Tại phiên tòa bà BĐ đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nlq trình bày: Việc BĐ vợ ông vay tiền chị NĐ như thế nào thì ông không biết. Lý do vợ chồng ông đã ly thân nhiều năm nay. Do đó nợ do BĐ làm tự BĐ chịu; ông không chịu trách nhiệm về phần nợ này và không đồng ý cùng BĐ trả nợ cho chị NĐ.

- *Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu trả vốn của bà NĐ; chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi, tính lại lãi suất theo lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp về HĐ dân sự vay tài sản.

[2] Về thủ tục tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nlq có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà NĐ trình bày được bị đơn bà BĐ thừa nhận sự việc vào ngày 22/10/2020 âm lịch bà BĐ viết giấy nợ bà NĐ số tiền 118.000.000 đồng, hứa qua tết trả. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia*

đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó nguyên đơn không phải chứng minh việc bị đơn nợ số tiền 118.000.000 đồng.

[4] Bà BĐ đồng ý trả tiền gốc cho bà NĐ nhưng xin trả dần, bà NĐ không đồng ý cho trả dần nên không có cơ sở ghi nhận. Như vậy, bà BĐ là bên vay nhưng không thanh toán đủ tiền vay cho bên bà NĐ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó bà NĐ khởi kiện yêu cầu bà BĐ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu trả tiền lãi, bà NĐ yêu cầu bà BĐ trả tiền lãi với lãi suất 20%. HĐXX thấy trong giấy nhận tiền đề ngày 22/10/2020 al không có ghi lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì phía bà BĐ phải chịu tiền lãi do chậm trả tiền vay. Thời điểm trả nợ tuy trong biên nhận viết không rõ ràng; theo sự giải thích của các bên, đối chiếu với phong tục và tập quán địa phương, HĐXX xác định thời điểm trả nợ là tháng 2al của năm liền kề. Do đó tiền lãi chậm trả bắt đầu tính từ tháng 3/2021al. Thời gian tính đến ngày xét xử là tháng 3/2022al là 01 năm; mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Tiền lãi được tính như sau: 118.000.000 đồng x 10%/ năm x 1 năm = 11.800.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bà BĐ phải trả bà NĐ là 129.800.000 đồng (=gốc 118.000.000 đồng + lãi 11.800.000 đồng).

[6] Ông Nlq không thừa nhận cùng bà BĐ vay tiền bà NĐ, không đồng ý cùng bà BĐ trả tiền cho bà NĐ. Bà NĐ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Nlq cùng vay tiền, sử dụng tiền vay. Và lại, tại đơn khởi kiện bà NĐ chỉ yêu cầu bà BĐ trả tiền, không yêu cầu ông Nlq cùng trả. Tại phiên tòa bà NĐ xác định không yêu cầu ông Nlq trả nợ. Vì vậy HĐXX không buộc ông Nlq cùng trả nợ cho bà NĐ.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, bà BĐ phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 129.800.000 đồng x 5% = 6.490.000 đồng. Nguyên đơn bà NĐ không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Tuyên xử:

1- Buộc bà Nguyễn Thị BD trả cho bà Trần Thị Hồng NĐ số tiền là 129.800.000 đồng (gồm tiền gốc 118.000.000 đồng và tiền lãi 11.800.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà NĐ cho đến khi thi hành án xong, bà BD còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị BD chịu 6.490.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Hồng NĐ số tiền tạm ứng án phí 3.540.000đ nộp tại biên lai thu số 0005203 ngày 24-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27-4-2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công